

Bản án số: 528/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 5 - 2022

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Hưng;

Ông Võ Văn Tốt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Thu là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 15/TB-TA ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 240/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Huỳnh N; Địa chỉ: xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre - Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T; Địa chỉ: phường T, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 18 tháng 3 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị Huỳnh N là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Nguyễn Thành T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, đến năm 2014 thì đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2014, quyển số 01/2014 ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T sống không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, tụ tập sử dụng ma túy. Bà và gia đình chồng đã nhiều lần đưa ông T đi cai nghiện nhưng khi trở về được một thời gian lại tái nghiện. Gần đây, ông T đòi bà đưa tiền, khi bà không đưa thì có hành vi đe dọa nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 8/2019 bà đã đưa cả hai con về nhà cha mẹ ruột sống và

vợ chồng ly thân đến nay. Nay, bà Như nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

Về con chung: Có 02 (hai) con tên là Nguyễn Huỳnh Đan T1, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2014 và Nguyễn Trí Tùng Q, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2016. Bà Như yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Huỳnh N khai không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập bị đơn nhưng ông Nguyễn Thành T không đến Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Thị Huỳnh N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, đã có bản tự khai phù hợp với đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Bị đơn là ông Nguyễn Thành T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân Quận 12 thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết, Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; gửi Thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện bà Võ Thị Huỳnh N và ông Nguyễn Thành T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2014, quyền số 01/2014 ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay, bà Võ Thị Huỳnh N có yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành T, xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo kết quả xác minh của Công an phường T, Quận MH thì ông Nguyễn Thành T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ phường T, Quận MH nhưng không cư trú tại nơi thường trú từ tháng 5/2021 đến nay. Hiện Nguyễn Thành T ở đâu không rõ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt được trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án cho ông T tại địa chỉ phường T, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, xác định ông T thay đổi nơi cư trú sau khi Tòa án thụ lý vụ án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Võ Thị Huỳnh N là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà. Ông Nguyễn Thành T là bị đơn thay đổi nơi cư trú sau khi thụ lý vụ án mà không thông báo cho Tòa án biết về nơi cư trú mới là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai cho ông T tại địa chỉ phường T, Quận MH để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Bà Võ Thị Huỳnh N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành T vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hòa hợp, ông T sống không có trách nhiệm với gia đình, sử dụng ma túy, gia đình đã đưa đi cai nghiện nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 8/2019 bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

[4] Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”, nhưng theo nguyên đơn trình bày thì vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn từ sau khi kết hôn, vợ chồng không còn thương yêu cũng không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình để vun đắp cho cuộc sống. Vợ chồng cũng không còn sống chung với nhau.

[5] Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Thành T đến Tòa án tham gia hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông không đến, điều đó cho thấy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Huỳnh N.

[6] Về con chung: Bà Võ Thị Huỳnh N yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con tên là Nguyễn Huỳnh Đan T1, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2014 và Nguyễn Trí Tùng Q, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2016. Hội đồng xét xử xét thấy, theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường Thới An, Quận 12 cũng như sự thừa nhận của bà Như thì bà đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con từ tháng 8/2019 đến nay. Ông Nguyễn Thành T không đến tham gia phiên tòa nên không có cơ sở để giao con cho ông nuôi dưỡng. Vì vậy, qua xem xét về quyền lợi mọi mặt, đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ và cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ Nguyễn Huỳnh Đan T1 là muốn được sống với mẹ, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc giao cả hai con cho bà Võ Thị Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, bà Như không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn nên không có cơ sở xem xét. Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Võ Thị Huỳnh N:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Huỳnh N được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2014, quyền số 01/2014 ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực thi hành).

1.2. Về con chung: Giao 02 (hai) con tên là Nguyễn Huỳnh Đan T1, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2014 và Nguyễn Trí Tùng Q, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2016 cho bà Võ Thị Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Võ Thị Huỳnh N không yêu cầu ông Nguyễn Thành T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thành T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà Võ Thị Huỳnh N chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0106460 ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện KSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp